

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /KH-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai Chương trình Tiêm chủng mở rộng trên địa bàn thành phố, giai đoạn 2026-2028

Thực hiện Quyết định số 2780/QĐ-BYT ngày 29/8/2025 của Bộ Y tế ban hành Kế hoạch Tiêm chủng mở rộng giai đoạn 03 năm (2026 - 2028), Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Kế hoạch Tiêm chủng mở rộng giai đoạn 03 năm (2026 - 2028), cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Đảm bảo cung ứng đầy đủ, kịp thời, an toàn và hiệu quả các loại vắc xin thuộc Chương trình Tiêm chủng mở rộng theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế;
- Duy trì thành quả thanh toán bệnh bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh và kiểm soát hiệu quả các bệnh truyền nhiễm có vắc xin phòng bệnh;
- Triển khai các loại vắc xin mới theo chỉ đạo của Bộ Y tế, phù hợp với lộ trình tăng số lượng vắc xin đến năm 2030 của Chính phủ.

2. Chỉ tiêu chuyên môn

2.1. Chỉ tiêu tiêm chủng các loại vắc xin

Đảm bảo tỷ lệ tiêm chủng hàng năm đạt từ 90% trở lên đối với vắc xin Viêm gan B sơ sinh (trong vòng 24 giờ), vắc xin Uốn ván cho phụ nữ có thai (tiêm đủ mũi) và đạt từ 95% trở lên đối với các loại vắc xin:

- Vắc xin Lao;
- Vắc xin DPT-VGB-Hib;
- Vắc xin Bại liệt (OPV);
- Vắc xin Bại liệt tiêm (IPV);
- Vắc xin Rota;
- Vắc xin Sởi;
- Vắc xin DPT;
- Vắc xin Sởi - Rubella;
- Vắc xin Td;
- Vắc xin Viêm não Nhật Bản;
- Vắc xin Phế cầu; vắc xin HPV.

2.2. Chỉ tiêu giám sát bệnh trong tiêm chủng mở rộng

- + Không ghi nhận vi rút bại liệt hoang dại;
- + Duy trì 100% xã đạt chuẩn loại trừ uốn ván sơ sinh;
- + Không chế tỷ lệ mắc bệnh truyền nhiễm: Sởi: ≤ 05 ca/100.000 dân; Bạch hầu: $\leq 0,1$ ca/100.000 dân; Ho gà: ≤ 01 ca/100.000 dân;
- + Đảm bảo số trường hợp liệt mềm cấp được điều tra, lấy mẫu đạt ≥ 1 ca điều tra/lấy mẫu/100.000 trẻ; Các ca nghi sởi/rubella được điều tra/lấy mẫu đạt ≥ 2 ca/100.000 dân; Đảm bảo số ca chết sơ sinh được điều tra đạt ≥ 2 ca/1.000 trẻ đẻ sống.

II. NHU CẦU VẮC XIN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Nhu cầu vắc xin

- Vắc xin trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng, gồm 14 loại, cụ thể: Viêm gan B, Lao, DPT-VGB-Hib, Bại liệt uống, Bại liệt tiêm, Sởi, Sởi - Rubella, Viêm não Nhật Bản, Uốn ván, DPT, Td, Rota, Phế cầu và HPV.
- Số lượng vắc xin thực hiện trong giai đoạn là:
 - + Năm 2026: 842,900 liều
 - + Năm 2027: 846,700 liều
 - + Năm 2028: 842,200 liều

(Có số lượng nhu cầu các loại vắc xin chi tiết tại Phụ lục 1)

Căn cứ tình hình triển khai thực tế và số vắc xin còn tồn hàng năm, sẽ có phương án điều chỉnh nhu cầu vắc xin đảm bảo sử dụng hiệu quả và đáp ứng nhu cầu của các xã, phường, thị trấn.

2. Đối tượng sử dụng các loại vắc xin

- Trẻ sơ sinh: Tiêm vắc xin Viêm gan B, vắc xin Lao (BCG);
- Trẻ em dưới 1 tuổi: Uống/tiêm vắc xin Bại liệt (bOPV/IPV), vắc xin Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Viêm gan B - Haemophilus Influenzae type b (DPT-VGB-Hib), vắc xin Sởi, vắc xin Rota¹;
- Trẻ từ 12 tháng đến 24 tháng: Tiêm mũi 1, mũi 2 vắc xin Viêm não Nhật Bản B, vắc xin Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván (DPT), vắc xin Sởi - Rubella (MR);
- Trẻ từ 24 đến dưới 60 tháng: Tiêm mũi 3 vắc xin Viêm não Nhật Bản B;
- Trẻ 7 tuổi: Tiêm vắc xin Uốn ván - Bạch hầu (Td),
- Phụ nữ có thai: Tiêm vắc xin Uốn ván.
- Nhóm đối tượng khác: Theo hướng dẫn của Bộ Y tế (nếu có).

(Có số lượng chi tiết các đối tượng dự kiến tiêm chủng tại Phụ lục 2)

¹Dự kiến đưa vào sử dụng tại Hải Phòng từ năm 2026

3. Thời gian thực hiện: 03 năm (từ năm 2026 đến năm 2028).

4. Phạm vi triển khai: Trên toàn thành phố Hải Phòng

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện

- Tiếp tục nâng cao trách nhiệm của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và địa phương trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, đặc biệt là triển khai hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác y tế. Đẩy mạnh tuyên truyền, hiện thực hóa các mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị, Chương trình hành động số 03-CTr/TU của Thành ủy về một số giải pháp đột phá tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

- Duy trì sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể trong triển khai tiêm chủng mở rộng. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; chủ động đưa chỉ tiêu tiêm chủng mở rộng vào Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đầu tư, hỗ trợ nguồn lực về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực phục vụ công tác tiêm chủng.

- Chỉ đạo rà soát, cập nhật danh sách đối tượng thuộc Chương trình Tiêm chủng mở rộng; hướng dẫn, đảm bảo gia đình có người trong độ tuổi tiêm chủng được tiếp cận đầy đủ các cơ sở tiêm chủng.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật giữa các tuyến; chú trọng hỗ trợ từ tuyến thành phố/khu vực xuống tuyến xã, xây dựng phương án hỗ trợ nhân lực, đảm bảo an toàn trong các buổi tiêm chủng. Tăng cường thanh tra, kiểm tra các cơ sở tiêm chủng dịch vụ, đặc biệt là việc nhập liệu và quản lý dữ liệu trên Hệ thống Quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia của Bộ Y tế.

- Bảo đảm hoạt động của Hội đồng chuyên môn đánh giá nguyên nhân tai biến nặng trong quá trình sử dụng vắc xin theo đúng quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BYT ngày 18/9/2018 và Thông tư số 05/2020/TT-BYT ngày 03/04/2020. Phối hợp với cơ quan chuyên môn tổ chức đánh giá, xác định nguyên nhân, tham mưu biện pháp xử lý, bồi thường theo quy định pháp luật. Kịp thời công bố nguyên nhân và biện pháp xử lý trên các phương tiện thông tin đại chúng, tránh gây hoang mang trong cộng đồng.

- Xây dựng kế hoạch mở rộng địa bàn triển khai hoạt động kiểm tra tiền sử tiêm chủng của trẻ nhập học lần đầu tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học. Tổ chức tiêm bù các loại vắc xin như sởi, sởi-rubella, bại liệt, viêm não Nhật Bản, nhất là tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học tại phía Tây thành phố.

2. Công tác thông tin, truyền thông

- Tăng cường truyền thông về lợi ích của tiêm chủng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, phát thanh, truyền hình, tài liệu phát tay, pano, áp phích... Kết hợp các hình thức truyền thông truyền thống với các phương tiện hiện đại như: Lập các nhóm Zalo, Facebook dành cho các bà mẹ có con trong độ tuổi tiêm chủng để tuyên truyền, nhắc lịch tiêm chủng, chia sẻ thông tin về vắc xin và phản ứng sau tiêm.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng, đặc biệt là lợi ích của việc tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch. Phát huy vai trò của cộng tác viên y tế, nhân viên y tế thôn, khu dân cư trong việc tiếp cận, tư vấn và vận động người dân tham gia tiêm chủng.

- Phối hợp với các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình để xây dựng và phát sóng các chuyên mục, chuyên đề về tiêm chủng. Hàng quý, xây dựng chuyên đề truyền thông về: Tiêm chủng an toàn; Phản ứng sau tiêm chủng và cách theo dõi; Lịch tiêm chủng cho trẻ em và phụ nữ mang thai; Hướng dẫn các bà mẹ theo dõi trẻ sau tiêm chủng,...

3. Công tác đào tạo, tập huấn

- Tập huấn về xây dựng kế hoạch; rà soát, điều tra đối tượng; tiếp nhận, bảo quản vắc xin; tổ chức buổi tiêm chủng; khám sàng lọc, tiêm chủng an toàn, phòng và xử trí sốc phản vệ.

- Đảm bảo tất cả cán bộ tham gia tiêm chủng các tuyến phải được tập huấn và thực hiện đúng các quy định về tiêm chủng. Nâng cao năng lực sử dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, quản lý tốt hoạt động tiêm chủng qua Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia.

- Tổ chức tập huấn triển khai tiêm chủng các loại vắc xin mới trong chương trình tiêm chủng mở rộng ở các tuyến.

4. Đảm bảo triển khai các hoạt động chuyên môn theo đúng quy định

4.1. Đảm bảo nguồn cung ứng vắc xin trong Chương trình TCMR

- Bảo đảm hoạt động rà soát đối tượng tiêm chủng, thời gian triển khai và định mức sử dụng từng loại vắc xin, các địa phương tiến hành lập dự trù nhu cầu vắc xin hàng năm, gửi đề xuất đến Bộ Y tế và Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương để được cung ứng từ nguồn ngân sách Trung ương theo đúng quy định tại Nghị định số 13/2024/NĐ-CP ngày 05/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 104/2016/NĐ-CP về hoạt động tiêm chủng.

- Điều phối vắc xin giữa các cơ sở tiêm chủng: Chỉ đạo các đơn vị y tế thực hiện điều phối vắc xin linh hoạt giữa các cơ sở tiêm chủng trên địa bàn, đảm bảo cung ứng đầy đủ, liên tục, tránh tình trạng thiếu hụt cục bộ. Thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình sử dụng và tồn kho vắc xin theo đúng quy định của Bộ Y tế.

- Trong trường hợp nguồn cung vắc xin từ Bộ Y tế bị gián đoạn hoặc cần bổ sung các loại vắc xin phù hợp với đặc điểm dịch bệnh của địa phương, các đơn vị chuyên môn tham mưu cho cấp có thẩm quyền tổ chức mua sắm, đấu thầu cung ứng kịp thời vắc xin theo đúng quy định; bảo đảm không trùng lặp, không lãng phí ngân sách, đồng thời đáp ứng kịp thời nhu cầu thực tế cho các đối tượng trong độ tuổi tiêm chủng.

4.2. Công tác tiếp nhận, bảo quản, cấp phát, vận chuyển vắc xin

- Các cơ sở tiêm chủng trên địa bàn thành phố thường xuyên thực hiện kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, hiệu chuẩn và kiểm định dây chuyền lạnh cùng các thiết bị theo dõi nhiệt độ nhằm đảm bảo vắc xin được bảo quản đúng quy định. Việc bảo quản tuân thủ theo Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22/11/2018 về thực hành tốt bảo quản thuốc và nguyên liệu làm thuốc

- Việc vận chuyển vắc xin đảm bảo an toàn, đúng quy trình, tuân thủ quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BYT và Thông tư số 34/2018/TT-BYT ngày 16/11/2018 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP về hoạt động tiêm chủng.

- Cấp phát đầy đủ vật tư thiết yếu phục vụ tiêm chủng cho các đơn vị y tế thực hiện tiêm chủng mở rộng, như: Bơm kim tiêm, hộp an toàn; phiếu tiêm chủng, sổ sách quản lý; tài liệu phát tay, pano, áp phích tuyên truyền...

- Việc bảo quản và vận chuyển đúng quy định giúp duy trì hiệu lực của vắc xin, đảm bảo an toàn tiêm chủng và phòng ngừa tai biến. Các cơ sở tiêm chủng được yêu cầu ghi chép, theo dõi nhiệt độ bảo quản và thời gian sử dụng vắc xin theo từng tuyến, từ kho trung tâm đến điểm tiêm chủng.

4.3. Công tác rà soát, quản lý đối tượng trong tiêm chủng mở rộng

- Sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia (QLTTTCQG) làm công cụ chính trong việc quản lý, theo dõi và cập nhật dữ liệu tiêm chủng trên địa bàn thành phố.

- Tổ chức điều tra, rà soát và quản lý đối tượng tiêm chủng theo địa bàn quản lý, trong đó tập trung vào việc thu thập thông tin tiền sử tiêm chủng các loại vắc xin thuộc Chương trình Tiêm chủng mở rộng đối với trẻ em nhập học tại các cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học.

- Căn cứ kết quả điều tra, lập danh sách trẻ chưa tiêm hoặc tiêm chưa đủ liều để tổ chức tiêm chủng bù liều theo đúng quy định chuyên môn và hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Đảm bảo việc cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin tiêm chủng của từng đối tượng lên hệ thống QLTTTCQG, phục vụ công tác quản lý, giám sát và báo cáo theo quy định.

4.4. Tổ chức tiêm chủng

- Trẻ em trong độ tuổi tiêm chủng và phụ nữ có thai được đảm bảo sử dụng vắc xin theo đúng chủng loại vắc xin, đúng thời gian quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BYT ngày 13/6/2024 của Bộ Y tế. Ngành y tế căn cứ vào số lượng đối tượng, thời điểm tổ chức, loại vắc xin... để tham mưu cho lãnh đạo địa phương chỉ đạo bố trí các điểm tiêm chủng phù hợp, gồm: Điểm tiêm chủng cố định tại cơ sở y tế; Điểm tiêm chủng lưu động tại cộng đồng, trường học, khu công nghiệp...

- Huy động sự tham gia của các ban, ngành, đoàn thể tại địa phương để phối hợp tổ chức tiêm chủng, đảm bảo: An ninh trật tự; An toàn tiêm chủng; Phân công rõ ràng nhiệm vụ cho từng lực lượng hỗ trợ. Số lượng người được tiêm tại mỗi điểm, mỗi buổi tiêm phải tuân thủ đúng hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế, tránh quá tải, đảm bảo chất lượng phục vụ.

- Tại các điểm tiêm chủng thực hiện nghiêm các quy định về an toàn tiêm chủng; phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực, quy trình chuyên môn theo quy định tại Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; Thông tư số 34/2018/TT-BYT ngày 16/11/2018 và Quyết định số 1575/QĐ-BYT ngày 27/3/2023 về khám sàng lọc trước tiêm chủng đối với trẻ em.

- Các địa phương cần chủ động bố trí tổ cấp cứu lưu động có đầy đủ nhân lực chuyên môn, trang bị thuốc cấp cứu, phương tiện vận chuyển, thiết bị y tế thiết yếu sẵn sàng tăng cường cho các điểm tiêm chủng trên địa bàn và xử lý phản ứng bất lợi sau tiêm chủng, đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người được tiêm (nếu có).

4.5. Giám sát, điều tra nguyên nhân gây phản ứng sau tiêm chủng

- Tiếp tục củng cố hệ thống giám sát phản ứng sau tiêm chủng tại tất cả các tuyến. Kịp thời phát hiện, phân loại và xử lý các phản ứng sau tiêm ngay tại cơ sở tiêm chủng; chuyển người bị tai biến nặng sau tiêm chủng trong trường hợp vượt quá khả năng đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh gần nhất và báo cáo cho Sở Y tế theo đúng quy định.

- Kịp thời tổ chức điều tra, đánh giá nguyên nhân tai biến sau tiêm chủng trong các trường hợp sau: (1) tai biến nặng sau tiêm chủng, (2) tỷ lệ phản ứng thông thường thực tế vượt quá tỷ lệ thống kê thường gặp, (3) một trường hợp hay một cụm phản ứng có khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng tới cộng đồng.

- Thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo cho gia đình người bị tai biến nặng về nguyên nhân gây tai biến, đồng thời báo cáo Bộ Y tế về nguyên nhân tai biến nặng sau tiêm chủng. Thực hiện việc dừng sử dụng lô vắc xin có liên quan trên địa bàn toàn tỉnh nếu xác định nguyên nhân tai biến do chất lượng vắc xin. Tham mưu cho cấp có thẩm quyền tổ chức bồi thường các trường hợp người sử dụng vắc xin trong Chương trình bị tai biến

nặng để lại di chứng dẫn đến bị khuyết tật hoặc người được tiêm chủng bị tử vong theo đúng quy định hiện hành

5. Kết hợp y tế công, tư và xã hội hóa trong hoạt động tiêm chủng

- Tiếp tục kiện toàn, rà soát, sắp xếp mô hình tổ chức hoạt động của hệ thống tiêm chủng từ tuyến thành phố xuống đến Trạm Y tế các xã, phường, đặc khu đảm bảo các cơ sở y tế công lập phải thực hiện tiêm chủng các loại vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng, tiêm chủng chống dịch theo đúng quy định hiện hành. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân nếu đã công bố đủ điều kiện tiêm chủng theo quy định được phép đăng ký với Sở Y tế để thực hiện tiêm chủng vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng và phải tổ chức triển khai tiêm chủng chống dịch khi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

- Các cơ sở y tế công lập hoặc cơ sở y tế tư nhân khi được cấp có thẩm quyền huy động phải đảm bảo triển khai việc tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng và các loại vắc xin khác (*nếu có*). Đối với các loại vắc xin dịch vụ phải đảm bảo chất lượng vắc xin; đảm bảo công khai, minh bạch về giá; tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai và theo đúng hướng dẫn chuyên môn của Sở Y tế, Bộ Y tế; thực hiện nghiêm túc các quy định đảm bảo an toàn tiêm chủng, đồng thời cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin cá nhân và lịch sử tiêm chủng của đối tượng tiêm chủng lên Hệ thống phần mềm Quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia.

- Tăng cường công tác truyền thông, vận động, khuyến khích người dân kết hợp sử dụng các loại vắc xin có trong Chương trình và các vắc xin không có trong Chương trình để phòng chống các bệnh truyền nhiễm phổ biến. Kịp thời thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân sử dụng đầy đủ các loại vắc xin tại các cơ sở tiêm chủng dịch vụ trong các trường hợp nguồn cung vắc xin của Chương trình cung ứng không kịp thời để đạt tỷ lệ tiêm chủng, đảm bảo thực hiện mục tiêu miễn dịch cộng đồng.

6. Hoạt động điều tra, giám sát các bệnh truyền nhiễm trong TCMR, đáp ứng với tình hình dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn.

Tăng cường điều tra, giám sát phát hiện các bệnh trong Chương trình TCMR, đặc biệt các trường hợp nghi mắc sởi, viêm não vi rút, viêm não Nhật Bản, ho gà,...; đồng thời tăng cường kiểm tra công tác tiêm phòng vắc-xin tại các khu vực có số trường hợp mắc tăng cao. Đảm bảo tỷ lệ giám sát bệnh bại liệt; giám sát chết sơ sinh, uốn ván sơ sinh; giám sát bệnh sởi/rubella theo chỉ tiêu kế hoạch.

7. Tăng cường năng lực hệ thống các cơ sở tiêm chủng mở rộng

- Tiếp tục tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn chuyên sâu cho cán bộ phụ trách Chương trình Tiêm chủng mở rộng (TCMR) các tuyến. Cập nhật kiến thức

chuyên môn, kỹ năng thực hành về an toàn tiêm chủng, xử trí phản ứng sau tiêm, khám sàng lọc trước tiêm cho cán bộ y tế tại các cơ sở y tế công lập và tư nhân. Đảm bảo đội ngũ cán bộ tiêm chủng có năng lực quản lý chương trình, sử dụng thành thạo phần mềm quản lý và thực hiện đúng quy trình chuyên môn.

- Thực hiện kiểm tra định kỳ và đột xuất đối với các cơ sở tiêm chủng về: Quản lý, bảo quản, sử dụng vắc xin; Vận hành hệ thống dây chuyền lạnh; Ghi chép sổ sách, báo cáo số liệu; Triển khai tiêm chủng thường xuyên và chiến dịch... Tăng cường hỗ trợ chuyên môn cho tuyến y tế cơ sở, đặc biệt trong công tác giám sát các ca bệnh có vắc xin phòng bệnh, đảm bảo phát hiện sớm và xử lý kịp thời.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng các nền tảng số trong quản lý hoạt động tiêm chủng mở rộng, bao gồm: Hệ thống phần mềm Quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia và các công cụ hỗ trợ thống kê, báo cáo, phân tích dữ liệu chuyên ngành. Việc ứng dụng công nghệ thông tin phải tuân thủ đúng hướng dẫn của Chính phủ và Bộ Y tế, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát và điều hành chương trình.

- Mục tiêu là xây dựng hệ thống tiêm chủng mở rộng an toàn, hiệu quả, có khả năng đáp ứng nhanh với tình hình dịch bệnh và nhu cầu tiêm chủng của người dân. Tăng cường kết nối giữa các tuyến, đảm bảo liên thông dữ liệu, đồng bộ thông tin, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và hoạch định chính sách y tế.

IV. KINH PHÍ DỰ KIẾN

Từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý; huy động nguồn xã hội hóa, nguồn tài trợ, viện trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác cho hoạt động tiêm chủng theo đúng quy định hiện hành

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Là cơ quan thường trực, chủ trì, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố trong việc triển khai các hoạt động tiêm chủng trên địa bàn. Hướng dẫn các địa phương xây dựng Kế hoạch triển khai Chương trình Tiêm chủng mở rộng theo đúng nội dung Kế hoạch, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra. Tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành kế hoạch triển khai kiểm tra tiền sử và tiêm chủng bù liều cho trẻ nhập học tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học.

- Phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu tổ chức rà soát đối tượng tiêm chủng, xác định nhu cầu vắc xin; đồng thời đăng ký nhu cầu vắc xin theo quy định của Bộ Y tế theo phân cấp quản lý, đảm

bảo cung ứng đầy đủ vắc xin tiêm chủng mở rộng cho các địa phương².

- Bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị, vật tư y tế, nhân lực phục vụ tiêm chủng mở rộng tại các cơ sở y tế công lập. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát quá trình triển khai, xử lý hoặc tham mưu xử lý các vi phạm phát sinh.

- Căn cứ mục tiêu Kế hoạch và chỉ đạo của Bộ Y tế, chủ động ban hành các hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ, tổ chức tập huấn, triển khai các hoạt động tiêm chủng theo đúng quy định. Tăng cường điều tra, giám sát dịch bệnh truyền nhiễm có vắc xin phòng bệnh, phối hợp tuyên truyền, vận động người dân sử dụng vắc xin trong Chương trình TCMR và vắc xin dịch vụ.

- Chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện việc tiếp nhận, bảo quản, vận chuyển, sử dụng vắc xin, hướng dẫn các cơ sở tiêm chủng thực hiện đúng quy trình chuyên môn.

- Chỉ đạo các cơ sở khám chữa bệnh duy trì hệ thống cấp cứu ngoại viện, sẵn sàng phương tiện, thiết bị, nhân lực hỗ trợ các buổi tiêm chủng thường xuyên và chiến dịch.

- Chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch, dự toán hằng năm và sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương cho các hoạt động tiêm chủng, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí.

- Thành lập Hội đồng chuyên môn đánh giá nguyên nhân tai biến nặng trong quá trình sử dụng vắc xin. Ban hành quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên. Phối hợp đánh giá nguyên nhân, thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và báo cáo Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân thành phố. Tham vấn ý kiến chuyên môn, thông báo dừng sử dụng lô vắc xin có phản ứng bất thường (nếu có). Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục và tham mưu bố trí kinh phí bồi thường cho các trường hợp tai biến nặng theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách của thành phố hàng năm, trên cơ sở kế hoạch và dự toán chi tiết do Sở Y tế, các cơ quan đơn vị liên quan tổng hợp, xây dựng, thẩm định. Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí để đảm bảo thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ động, phối hợp với Sở Y tế tiến hành rà soát trẻ nhập học tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học để tổ chức tiêm bổ sung cho trẻ chưa được tiêm hoặc tiêm chưa đầy đủ các loại vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng.

² Quyết định số 3708/QĐ-UBND ngày 12/9/2025 của Chủ tịch UBND thành phố về việc Ủy quyền cho Giám đốc Sở Y tế thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội - Phòng chống tệ nạn xã hội, Dân số - Trẻ em, phòng bệnh trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Phối hợp với ngành y tế tiếp tục đẩy mạnh hoạt động y tế trường học; triển khai khám, phát hiện sớm các trường hợp mắc bệnh dịch truyền nhiễm trong Chương trình tiêm chủng mở rộng, đồng thời tổ chức khoanh vùng, dập dịch theo đúng hướng dẫn để hạn chế lây lan trong các cơ sở giáo dục.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục phối hợp với chính quyền địa phương và ngành y tế đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến lợi ích của việc thực hiện tiêm các loại vắc xin phòng tránh bệnh truyền nhiễm phổ biến ở trẻ em, đặc biệt là các loại vắc xin có trong Chương trình tiêm chủng mở rộng đối với lứa tuổi mầm non và tiểu học; hỗ trợ việc điều tra, lập danh sách học sinh trong diện tiêm chủng chiến dịch; bố trí địa điểm, phối hợp với ngành y tế địa phương triển khai kế hoạch tiêm bổ sung theo đúng hướng dẫn để đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề ra.

4. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch

Phối hợp chỉ đạo các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình phối hợp với ngành y tế, các sở, ban, ngành liên quan và các địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, thông tin về lợi ích và hiệu quả của việc tiêm chủng nhằm khuyến khích, hướng dẫn người dân tích cực tham gia tiêm chủng, bảo vệ bản thân và cộng đồng, phòng chống dịch bệnh, tăng thời lượng, số lượng tin bài tuyên truyền về lợi ích tiêm chủng.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố, các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức phổ biến Kế hoạch này cho các cá nhân, tập thể có liên quan để phối hợp với ngành y tế tổ chức tuyên truyền, vận động người dân, cán bộ, công chức, viên chức tại đơn vị tham gia Chương trình tiêm chủng mở rộng theo đúng quy định.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

- Căn cứ vào Kế hoạch của UBND thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu xây dựng và ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình Tiêm chủng mở rộng các năm phù hợp với tình hình thực tế. Tập trung rà soát, đối tượng trong độ tuổi tiêm chủng chưa được tiêm hoặc tiêm chưa đủ mũi đề xuất nhu cầu sử dụng vắc xin phù hợp.

- Bố trí đủ kinh phí đảm bảo cho công tác TCMR, đồng thời chủ động đáp ứng về nhân lực, trang thiết bị phục vụ cho công tác tiêm chủng mở rộng trên địa bàn, đặc biệt là bảo dưỡng, hiệu chuẩn, kiểm định trang thiết bị (nếu có).

- Chỉ đạo Trạm Y tế:

- + Tổ chức thực hiện Chương trình Tiêm chủng mở rộng đảm bảo an toàn, hiệu quả, đúng quy định chuyên môn. Tăng cường công tác giám sát, theo dõi và xử lý kịp thời các phản ứng sau tiêm chủng. Giám sát chặt chẽ các bệnh truyền nhiễm có vắc xin phòng ngừa thuộc phạm vi TCMR, nhằm phát hiện sớm và

ngăn chặn nguy cơ bùng phát dịch.

+ Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức điều tra, rà soát tiền sử đối tượng tiêm chủng, đặc biệt đối với trẻ khi nhập học tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học trên địa bàn thành phố và tổ chức tiêm chủng bù liều cho trẻ. Phối hợp với các trường học tổ chức tốt việc tiêm chủng vắc xin Bạch hầu - Uốn ván (Td) hoặc các chiến dịch tiêm chủng cho học sinh khi có chỉ đạo như vắc xin phòng Sởi, Sởi-Rubella...

- Chỉ đạo Phòng Văn hóa - Xã hội tăng cường tham mưu công tác quản lý nhà nước về y tế. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ sở tiêm chủng dịch vụ, đảm bảo chất lượng và hiệu quả. Phối hợp với tuyến trên để kiểm tra hệ thống dây chuyền lạnh, quy trình tiêm chủng..., đảm bảo an toàn.

- Chỉ đạo các Ban, ngành, đoàn thể tăng cường tuyên truyền về nguy cơ mắc bệnh nếu không tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch. Nhấn mạnh trách nhiệm của cha mẹ trong việc đăng ký và đưa trẻ đi tiêm chủng đúng quy định.

- Chỉ đạo các cơ sở tiêm chủng dịch vụ trên địa bàn phải thực hiện nghiêm chỉnh và báo cáo kết quả thực hiện theo qui định.

Trên đây là Kế hoạch Chương trình tiêm chủng mở rộng giai đoạn 2026 - 2028 trên địa bàn thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Chủ tịch UBND TP (để b/c);
- PCT UBND TP: Nguyễn Minh Hùng;
- CVP, PCVP: Phạm Anh Tuấn;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lưu: VT, T.V. Hải.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Hùng

Phụ lục I

NHU CẦU VẮC XIN TRONG TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2028

(Kèm theo Kế hoạch số: _____ /KH-UBND ngày _____ tháng _____ năm 2025)

TT	Loại vắc xin	Nhu cầu vắc xin					
		Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028	
		TCMR	Tiêm bù	TCMR	Tiêm bù	TCMR	Tiêm bù
1	Viêm gan B* (liều)	42,400	0	42,700	0	42,800	0
2	BCG (liều)	56,500	0	57,000	0	57,100	0
3	DPT-VGB-Hib (liều)	70,600	0	71,300	0	71,400	0
4	OPV (liều)	129,000	8,000	130,000	8,800	130,600	8,800
5	IPV (liều)	53,800	5,300	54,300	5,800	54,400	5,800
6	Rota (liều)	65,900	0	66,500	0	66,700	0
7	Sởi (liều)	47,000	2,600	48,000	2,900	47,600	2,900
8	Sởi-Rubella (liều)	48,800	2,700	47,600	2,900	47,300	2,900
9	VNNB (ml)	80,000	8,300	76,000	8,900	76,000	8,900
10	DPT (liều)	70,000	0	70,000	0	70,000	0
11	Td (liều)	56,000	0	54,000	0	51,000	0
12	Uốn ván (liều)	96,000	0	100,000	0	98,000	0

* Ghi chú: số lượng vắc xin bao gồm nhu cầu của các địa phương và các cơ sở y tế có phòng sinh.

Phụ lục II

SỐ ĐỐI TƯỢNG DỰ KIẾN CHƯƠNG TRÌNH TCMR GIAI ĐOẠN 2026 - 2028(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 11 năm 2025)

TT	Xã/phường/đặc khu	Năm 2026						Năm 2027						Năm 2028					
		Trẻ <1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Trẻ 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	PNCT	Trẻ <1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Trẻ 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	PNCT	Trẻ <1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Trẻ 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	PNCT
1	An Dương	810	830	830	830	1159	855	780	785	790	965	1055	830	790	790	795	980	1055	845
2	An Hải	689	691	689	687	778	745	685	687	685	685	785	759	691	693	691	691	773	951
3	An Phong	497	497	492	497	635	520	510	510	500	500	605	535	500	500	510	510	555	535
4	An Lão	421	421	464	441	564	431	436	436	476	453	588	447	447	447	486	464	545	457
5	An Hưng	251	254	273	292	370	252	254	262	272	279	378	255	255	262	267	273	352	256
6	An Quang	288	295	285	300	404	293	290	293	292	280	385	295	292	295	295	288	350	297
7	An Trường	326	341	375	373	458	340	332	344	365	360	421	344	332	348	358	361	393	345
8	An Khánh	365	370	374	442	485	375	373	377	392	432	473	382	380	390	405	437	475	390
9	Bạch Long Vĩ	2	3	2	3	2	2	1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2
10	Cát Hải	340	328	329	481	458	345	245	334	330	476	433	348	345	336	332	499	410	350
11	Hưng Đạo	408	415	435	428	590	360	408	415	435	458	573	360	408	415	435	430	573	360
12	Dương Kinh	260	265	265	270	403	260	260	265	260	265	391	260	265	265	260	260	380	265
13	Nam Đồ Sơn	240	240	242	242	325	240	240	240	242	242	324	240	240	240	240	240	282	240
14	Đồ Sơn	130	136	140	156	170	124	130	132	139	164	171	123	134	130	137	160	151	127
15	Hải An	1070	1040	1010	1000	1430	1071	1075	1075	1045	1045	1425	1075	1060	1060	1040	1040	1395	1045
16	Đông Hải	475	475	455	455	630	460	490	490	470	470	615	475	605	605	485	485	620	490
17	Hồng Bàng	941	961	950	975	1229	964	940	961	950	975	1154	959	939	963	950	975	1149	960
18	Hồng An	575	575	575	580	934	617	577	577	577	577	903	610	570	570	570	570	890	604
19	Kiến An	745	650	715	710	1519	745	750	655	715	710	1495	750	750	655	715	710	1472	755
20	Phù Liễn	480	505	505	505	590	480	485	490	505	500	580	480	480	490	505	500	575	480
21	Kiến Thụy	362	375	418	567	512	338	362	381	406	551	519	334	359	368	398	551	501	327
22	Kiến Minh	254	254	271	259	354	252	263	263	285	263	355	263	265	265	275	267	337	265
23	Kiến Hải	420	420	439	468	595	420	415	415	457	484	550	410	400	400	440	470	395	400
24	Kiến Hưng	282	282	296	349	402	293	276	276	295	355	370	293	286	286	300	365	397	298
25	Nghi Dương	310	307	320	320	433	314	333	313	332	305	375	325	323	333	324	317	315	323
26	An Biên	908	945	925	928	926	905	905	942	922	925	922	905	905	942	925	928	922	905

TT	Xã/phường/đặc khu	Năm 2026						Năm 2027						Năm 2028					
		Trẻ <1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Trẻ 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	PNCT	Trẻ <1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Trẻ 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	PNCT	Trẻ <1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Trẻ 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	PNCT
27	Lê Chân	945	920	865	920	830	945	945	920	865	920	830	945	846	920	865	920	830	945
28	Ngô Quyền	600	600	580	585	638	607	600	600	580	580	630	607	600	600	580	580	630	607
29	Gia Viên	615	615	590	592	640	630	620	610	595	600	650	635	620	610	595	600	650	630
30	Quyết Thắng	195	195	200	220	310	195	210	210	215	215	320	205	215	215	220	220	310	220
31	Tiên Lăng	415	423	435	425	531	436	418	423	440	430	500	443	433	437	448	437	500	447
32	Tân Minh	300	300	300	340	380	310	300	300	300	340	380	310	300	300	300	340	380	310
33	Tiên Minh	1149	500	520	441	375	330	1168	503	513	442	381	325	1155	501	515	444	369	310
34	Chấn Hưng	313	299	323	325	358	325	317	313	313	307	341	335	320	317	317	307	340	340
35	Hùng Thắng	285	285	285	285	310	240	285	285	285	290	310	240	285	285	285	290	310	240
36	Thủy Nguyên	680	681	681	700	923	691	697	699	689	703	922	704	708	708	699	724	941	704
37	Nam Triệu	413	428	437	472	491	405	425	440	442	472	491	405	415	430	442	472	481	405
38	Lê Ích Mộc	617	617	605	615	670	587	618	619	619	620	670	588	617	617	608	608	650	587
39	Thiên Hương	483	483	491	506	559	491	487	489	489	517	565	496	488	488	492	505	543	495
40	Hòa Bình	620	630	650	640	680	620	620	650	640	640	680	610	620	620	640	640	670	610
41	Bạch Đằng	504	497	1309	597	707	534	520	507	555	537	717	517	530	545	545	535	696	530
42	Việt Khê	411	410	399	390	481	375	405	400	393	385	475	370	400	395	388	380	470	365
43	Lưu Kiếm	657	660	650	675	726	657	668	665	668	675	740	668	675	673	663	670	731	670
44	Vĩnh Bảo	545	555	545	539	721	491	558	561	541	554	728	487	540	543	554	559	712	496
45	Nguyễn B. Khiêm	253	244	253	258	332	215	252	242	252	255	329	218	253	244	251	250	317	217
46	Vĩnh Am	374	381	373	374	434	370	364	376	382	378	409	364	379	378	386	391	393	372
47	Vĩnh Hải	433	429	417	427	464	419	388	397	399	412	442	398	383	392	395	403	442	381
48	Vĩnh Hòa	346	346	333	351	377	344	342	342	347	348	426	338	358	357	363	355	382	348
49	Vĩnh Thịnh	307	316	307	310	392	303	305	298	292	303	328	295	303	313	310	305	302	292
50	Vĩnh Thuận	664	732	754	774	830	656	640	646	740	726	890	620	610	630	666	640	830	610
51	Hải Dương	430	465	447	441	486	445	452	460	468	449	474	443	445	482	467	480	491	445
52	Lê Thanh Nghị	515	515	490	491	486	515	492	490	464	463	455	492	469	472	467	470	446	469
53	Việt Hòa	350	360	337	391	486	345	360	365	331	364	352	350	355	360	340	365	417	350
54	Thành Đông	460	436	488	502	710	455	452	465	440	448	523	452	471	458	449	460	657	451
55	Nam Đông	287	284	273	288	298	287	279	282	290	293	308	284	278	283	255	275	293	283
56	Tân Hưng	355	360	337	374	345	355	345	350	326	366	346	340	325	337	325	370	321	337
57	Thạch Khôi	375	385	295	310	465	340	365	380	295	310	455	330	365	370	295	310	435	330

TT	Xã/phường/đặc khu	Năm 2026						Năm 2027						Năm 2028					
		Trẻ <1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Trẻ 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	PNCT	Trẻ <1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Trẻ 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	PNCT	Trẻ <1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Trẻ 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	PNCT
58	Tứ Minh	310	320	327	318	336	317	310	320	326	328	322	315	326	315	321	325	282	315
59	Ái Quốc	220	220	210	240	298	210	235	235	218	243	275	220	232	232	205	220	269	222
60	Chu văn An	536	566	572	612	702	534	518	534	535	566	654	518	507	535	524	534	612	507
61	Chí Linh	262	262	292	391	436	255	241	243	184	394	444	239	243	243	252	381	426	253
62	Trần Hưng Đạo	321	339	341	415	446	321	311	321	326	339	415	311	296	326	319	321	374	296
63	Nguyễn Trãi	165	164	198	222	247	154	167	165	192	230	228	159	167	167	200	237	198	161
64	Trần Nhân Tông	263	265	265	270	327	263	265	267	268	266	330	268	269	266	270	271	324	270
65	Lê Đại Hành	205	202	244	277	300	210	260	274	267	275	325	237	275	280	284	274	321	230
66	Kinh Môn	255	265	275	350	285	235	258	263	265	355	275	230	262	267	277	367	280	232
67	Nguyễn Đại Nãi	302	301	318	354	35	287	310	307	287	286	399	295	314	315	286	292	343	299
68	Trần Liễu	295	280	298	341	376	307	296	295	301	281	360	307	304	312	311	301	350	303
69	Bắc An Phụ	210	211	226	244	310	186	215	210	229	205	313	180	219	214	227	216	295	189
70	Phạm Sư Mạnh	195	225	259	272	360	193	200	195	188	225	317	199	204	207	201	195	295	201
71	Nhị Chiểu	370	363	396	403	539	370	370	370	383	393	478	370	368	370	375	385	428	368
72	Nam An Phụ	270	270	285	290	350	270	280	280	290	260	370	280	285	285	285	280	340	285
73	Nam Sách	870	333	377	358	472	330	369	330	365	352	453	369	359	369	349	347	367	359
74	Thái Tân	205	213	257	257	292	217	215	205	221	197	293	213	215	215	207	221	237	219
75	Trần Phú	290	272	398	495	600	290	450	441	506	435	597	423	420	430	500	441	427	435
76	Hợp Tiến	197	188	174	204	257	197	199	197	182	152	230	199	150	203	202	197	206	200
77	An Phú	310	310	340	385	505	310	310	310	335	390	500	310	310	310	335	385	495	310
78	Thanh Hà	332	245	393	411	426	332	350	332	332	396	488	344	372	347	340	347	422	366
79	Hà Tây	445	435	420	450	466	445	445	440	415	455	480	445	450	445	410	450	420	450
80	Hà Bắc	392	397	388	385	500	390	380	392	398	407	484	380	388	380	389	392	442	385
81	Hà Nam	266	280	276	286	348	269	256	266	275	291	311	254	255	264	267	270	293	255
82	Hà Đông	350	338	339	357	455	346	350	350	349	338	467	346	354	345	359	350	350	348
83	Mao Điền	453	460	457	442	620	443	450	465	468	452	578	450	458	460	452	448	575	454
84	Cầm Giàng	320	320	320	320	362	320	320	320	320	320	355	320	320	320	320	320	330	320
85	Cầm Giang	370	370	370	380	535	370	375	365	375	365	380	375	375	375	375	365	410	375
86	Tuệ Tĩnh	278	270	301	312	350	270	280	278	295	275	338	290	282	280	284	278	330	290
87	Kẻ Sắt	390	405	439	452	606	398	407	395	427	435	563	411	409	407	414	431	501	409
88	Bình Giang	339	331	321	380	453	341	351	345	329	351	433	344	362	356	328	344	149	361

TT	Xã/phường/đặc khu	Năm 2026						Năm 2027						Năm 2028					
		Trẻ <1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Trẻ 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	PNCT	Trẻ <1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Trẻ 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	PNCT	Trẻ <1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Trẻ 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	PNCT
89	Đường An	365	347	355	364	522	355	361	360	350	335	472	360	376	370	345	360	397	365
90	Thượng Hồng	22	232	232	279	315	223	231	229	240	237	287	231	231	237	242	232	283	232
91	Gia Lộc	411	417	541	575	635	400	420	411	482	517	581	425	422	415	490	523	501	422
92	Yết Kiêu	321	318	336	512	521	325	323	321	330	420	494	328	326	328	332	419	436	321
93	Gia Phúc	446	445	477	632	620	461	452	446	466	565	585	467	454	462	462	576	499	458
94	Trường Tân	330	311	374	397	492	300	352	330	364	326	462	307	365	355	367	345	386	312
95	Tứ Kỳ	376	383	369	425	538	376	383	380	372	382	493	383	379	383	373	383	452	379
96	Tân Kỳ	315	337	395	539	537	340	332	313	378	541	479	345	351	342	398	558	396	357
97	Đại Sơn	270	290	310	332	405	270	290	285	306	285	379	290	285	295	305	275	332	285
98	Chí Minh	280	270	305	367	500	275	270	278	285	270	474	270	272	270	267	270	380	285
99	Lạc Phượng	255	228	260	326	433	272	294	260	253	218	426	280	295	294	277	260	372	277
100	Nguyễn Giáp	265	265	254	290	472	200	260	270	265	270	430	204	261	255	260	285	415	210
101	Ninh Giang	341	349	405	374	439	342	340	360	400	392	416	335	343	354	401	360	377	339
102	Vĩnh Lại	370	383	398	416	522	365	390	370	395	383	507	385	382	390	378	385	470	385
103	Khúc Thừa Dụ	261	266	270	275	335	245	260	271	260	265	330	245	252	262	265	260	290	225
104	Tân An	83	280	311	342	430	277	277	283	277	280	395	276	280	277	28	283	379	285
105	Hồng Châu	270	276	312	303	398	225	258	265	301	270	384	266	261	268	297	261	345	266
106	Lai Khê	437	436	416	417	625	417	405	425	418	429	585	410	409	404	400	427	484	414
107	Phú Thái	455	457	477	487	605	447	470	455	451	452	600	473	450	477	465	448	540	455
108	An Thành	300	332	330	335	441	320	335	327	348	332	428	335	316	332	338	327	336	316
109	Kim Thành	430	452	462	485	590	415	486	450	440	470	588	472	486	487	445	460	537	476
110	Thanh Miện	470	465	471	487	634	470	461	466	472	478	642	462	455	460	466	480	545	460
111	Bắc Thanh Miện	270	275	261	276	374	270	275	270	263	275	354	277	283	280	276	271	282	278
112	Hải Hưng	248	255	289	302	370	250	250	248	260	260	350	252	240	255	265	258	294	243
113	Nguyễn L. Bằng	345	360	365	385	527	351	352	357	373	373	476	358	352	352	373	365	420	362
114	Nam Thanh Miện	299	315	397	474	395	305	303	302	398	487	410	311	311	310	391	466	388	313
	Tổng cộng	44966	44390	46491	48385	58059	43795	45285	44649	45305	46832	56396	44221	45370	45084	45039	46800	52830	44455